

Bản án số: 26/2019/HS-PT

Ngày 14 - 3 - 2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CÀ M

- Thành phần Hội đồng xét xử P thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Hoàng

Các Thẩm phán: Ông Trần Trọng Nhân

Ông Chung Văn Kết

- Thư ký phiên tòa: Ông Hồ Văn Mil là Thư ký Toà án nhân dân tỉnh Cà M

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà M tham gia phiên tòa: Bà Lê Kiều Diễm - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 3 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân tỉnh Cà M xét xử P thẩm công khai vụ án hình sự P thẩm thụ lý số: 03/2019/TLPT-HS ngày 02 tháng 01 năm 2019 đối với bị cáo Trần Ngọc P do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Thới B.

- Bị cáo có kháng cáo:

Họ và tên: Trần Ngọc P, sinh năm 1983 tại tỉnh An G; nơi cư trú: Số 44/25 Bình P B, phường Bình Chuẩn, thị xã Thuận A, tỉnh Bình D; nghề nghiệp: Sửa xe; trình độ văn hóa: 2/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Phật giáo; quốc tịch: Việt Nam; Con ông Trần Văn Cọp và bà Nguyễn Thị Ngọc Lan; Vợ: Nguyễn Thị Minh Hiền và có 01 người con; tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: Ba lần bị kết án gồm: Tại bản án số 56/HSST ngày 05/6/2001 của Tòa án nhân dân huyện Dĩ An xử phạt 06 tháng tù về tội cướp giật tài sản; tại bản án số 144/HSST ngày 14/6/2002 của Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh xử phạt 06 năm tù về tội tàng trữ trái phép chất ma túy; tại bản án số 185/2013/HSST ngày 28/5/2013 của Tòa án nhân dân thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội làm giả con dấu, tài liệu của cơ quan tổ chức; Bị bắt, tạm giữ ngày 02/02/2018 chuyển giam từ ngày 08/02/2018 đến ngày 25/6/2018 bị đưa đi chữa bệnh bắt buộc tại Viện pháp y tâm thần Trung ương Biên Hoà. Sau khi ổn định tiếp tục tạm giam lại từ ngày 10/9/2018 đến nay; Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo:

Luật sư Trịnh Thanh L – Văn phòng luật sư Trịnh Thanh L thuộc Đoàn luật sư tỉnh Cà M (Có mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 02/02/2018, Trần Ngọc P gặp một người thanh niên tên Bách (P không biết nhân thân và địa chỉ) ở Bến xe Cà M mua 04 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy đá với giá 1.500.000 đồng, khi mua được ma túy, P cất giấu 04 viên thuốc phía sau ốp lưng điện thoại di động và 01 gói ma túy đá dán dính dưới ốp nhựa đuôi xe biển số 59L2-124.98. Sau đó P điện thoại cho Trần Thảo Nguyên rước Nguyên đi vô thị trấn Thới B, cả hai cùng đến nhà trọ 123 thuộc ấp 4, xã Thới B thuê phòng để sử dụng ma túy, khi vào phòng được 10 phút, P đi ra mở cốp xe lấy gói ma túy vào phòng cùng với Nguyên sử dụng. Đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, P lấy gói ma túy đi ra mở cốp xe dán dính vào ốp nhựa đuôi xe biển số 59L2-124.98 và trả phòng rồi điều khiển xe chở Nguyên đi ra đến lộ bê tông trước cửa nhà trọ 123 thì bị bắt quả tang.

Cơ quan điều tra tiến hành kiểm tra phương tiện xe và đồ dùng cá nhân của P phát hiện: 01 gói nylon chứa chất dạng rắn màu trắng nghi là ma túy được dán dính vào ốp nhựa đuôi xe biển số 59L2-124.98; 01 gói nylon chứa 04 viên nén tròn nghi là ma túy tổng hợp được cất giấu sau ốp lưng điện thoại, phát hiện trong đôi giày hiệu FILA màu xám tro có 03 gói nylon màu trắng bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng dạng rắn, nghi là ma túy. Số chất thu giữ nghi là ma túy được niêm phong để giám định.

Tại Kết luận giám định số 878/C54B ngày 07/02/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

+ Gói ký hiệu M1: 01 viên nén tròn màu xanh lá viền rãnh cưa, logo “vương miện” và 03 viên nén màu xanh không rõ logo đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định đều không tìm thấy thành phần chất ma túy và tiền chất theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính Phủ.

+ Gói ký hiệu M2: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 2,3996 gam, loại Methamphetamine.

+ Gói ký hiệu M3: Tinh thể màu trắng đựng trong 03 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 9,8567 gam, loại Methamphetamine.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới B quyết định:

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Điều 23-Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Trần Ngọc P phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”.
2. Về trách nhiệm hình sự:

Phạt bị cáo Trần Ngọc P 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 10/9/2018. (Thời gian tạm giam từ ngày 02/02/2018 đến ngày 25/6/2018 được đối trừ vào thời gian bị cáo chấp hành án).

3. Về vật chứng của vụ án: Áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự xử lý vật chứng cụ thể như sau:

Tịch thu tiêu hủy gồm: 01 đôi giày FILA màu xám tro; 01 hộp đựng dụng cụ để hút ma túy gồm: 07 ống nhựa, 09 ống thủy tinh, 01 cục sếp, 08 hột quẹt ga; 01 bì thư số 878/2 đề ngày 06/02/2018 có dấu nên phong của phân viện KHHS-BCA (hoàn mẫu ký hiệu 878/M2: 2,0109 gam); 01 bì thư số 878/3 đề ngày 06/02/2018 có dấu giám định niêm phong KHHS-BCA (hoàn lại mẫu giám định ký hiệu 878M3: 9,0954 gam).

Tịch thu sung công quỹ Nhà nước: 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đỏ, biển số 59L2-124.98.

Tịch thu lưu hồ sơ: 01 giấy phép lái xe hiệu SUZUKI, biển số 59L2-124.98.

Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo theo pháp luật quy định.

Ngày 03 tháng 12 năm 2018, bị cáo Trần Ngọc P có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin nhận lại 01 (một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đỏ, biển số 59L2-124.98 do không liên quan đến việc phạm tội.

Tại phiên tòa, bị cáo giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà M tham gia phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo. Tuy nhiên Vị đại diện Viện kiểm sát cho rằng mức hình phạt 05 năm tù mà án sơ thẩm đã tuyên xử đối với bị cáo P là khởi điểm của khung hình phạt theo quy định tại khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là mức án nhẹ nhất trong khung hình phạt và tương xứng nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có cơ sở chấp nhận. Đối với chiếc xe bị cáo dùng tàng trữ ma túy nên án sơ thẩm tịch thu sung quỹ là phù hợp nên bị cáo kháng cáo xin nhận lại là không có căn cứ chấp nhận. Đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà M đề nghị Hội đồng xét xử P thẩm áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị cáo P, giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo P cho rằng theo kết luận giám định số 100 ngày 04/6/2018 xác định bị cáo bị bệnh tâm thần nhưng án sơ thẩm không áp dụng tình tiết giảm nhẹ là người phạm tội là người bị bệnh hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi theo quy định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng thêm tình tiết này cho bị cáo P. Như vậy bị cáo có 02 tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm q, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự chấp nhận kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo P tuyên xử mức án dưới mức thấp nhất khung hình phạt.

Đối với kháng cáo của bị cáo về chiếc xe bị án sơ thẩm tuyên tịch thu sung quỹ luật sư bào chữa đề nghị: Hội đồng xét xử P thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo tuyên trả lại xe vì thực tế chiếc xe chỉ là phương tiện đi lại và là tài sản duy nhất của chung 02 vợ chồng, điều kiện thực tế hoàn cảnh gia đình bị cáo rất khó khăn, hơn nữa bị cáo chỉ tàng trữ ma túy để sử dụng mà không phải sử dụng xe để mua bán ma túy nên chiếc xe không phải là công cụ phương tiện phạm tội. Do vậy đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo tuyên trả lại xe cho bị cáo.

Bị cáo tranh luận nói lời sau cùng thống nhất ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin được nhận lại chiếc xe.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Quá trình điều tra, truy tố cũng như tại phiên tòa sơ, P thẩm: Bị cáo Trần Ngọc P thừa nhận do bản thân bị nghiện ma túy nên vào ngày 02/02/2018, Trần Ngọc P gặp một người thanh niên tên Bách (P không biết nhân thân và địa chỉ) ở Bến xe Cà M mua 04 viên thuốc lắc và 01 gói ma túy đá với giá 1.500.000 đồng, khi mua được ma túy, P cất giấu 04 viên thuốc phía sau ốp lưng điện thoại di động và 01 gói ma túy đá dán dính dưới ốp nhựa đuôi xe biển số 59L2-124.98. Sau khi cùng Trần Thảo Nguyên sử dụng ma túy thì đến 14 giờ 30 phút cùng ngày, P lấy gói ma túy đi ra mở cốp xe dán dính vào ốp nhựa đuôi xe biển số 59L2-124.98 rồi điều khiển xe chở Nguyên đi ra đến lộ bê tông trước cửa nhà trọ 123 thì bị bắt quả tang cùng tang vật. Bị cáo thừa nhận Kết luận giám định số 878/C54B ngày 07/02/2018 của Phân viện khoa học hình sự tại thành phố Hồ Chí Minh, kết luận:

+ Gói ký hiệu M1: 01 viên nén tròn màu xanh lá viền rãnh cưa, logo “vương miện” và 03 viên nén màu xanh không rõ logo đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định đều không tìm thấy thành phần chất ma túy và tiền chất theo Nghị định số 82/2013/NĐ-CP ngày 19/7/2013 và Nghị định số 126/2015/NĐ-CP ngày 09/12/2015 của Chính Phủ.

+ Gói ký hiệu M2: Tinh thể màu trắng đựng trong 01 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 2,3996 gam, loại Methamphetamine.

+ Gói ký hiệu M3: Tinh thể màu trắng đựng trong 03 gói nylon được niêm phong gửi giám định là ma túy, có trọng lượng 9,8567 gam, loại Methamphetamine là của bị cáo.

Do đó, Bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Thới B xét xử bị cáo về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc P thấy rằng: Bị cáo có đủ khả năng để nhận biết hành vi tàng trữ để sử dụng ma túy là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Hành vi phạm tội của bị cáo đã xâm phạm đến các quy định của Nhà nước về quản lý, sử dụng các chất ma túy, gây ảnh hưởng xấu đến sức khỏe người sử dụng ma túy, ảnh hưởng đến tình hình an ninh trật tự xã hội nói chung và ở địa phương nói riêng; Đi ngược lại chính sách pháp luật của Nhà nước

về bài trừ các tệ nạn ra khỏi đời sống xã hội, trong đó có tệ nạn ma túy. Do đó hành vi của bị cáo cần phải được xử lý nghiêm khắc để đảm bảo tính giáo dục, răn đe, phòng ngừa chung cho xã hội.

Án sơ thẩm đã cân nhắc xem xét toàn diện vụ án và áp dụng tình tiết giảm nhẹ đó là tại phiên tòa bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Tuy nhiên án sơ thẩm chưa xem xét và áp dụng hết các tình tiết giảm nhẹ để áp dụng cho bị cáo cụ thể: Hồ sơ thể hiện bị cáo bị bệnh tâm thần hạn chế khả năng nhận thức và điều khiển hành vi nhưng án sơ thẩm chưa xem xét áp dụng tình tiết giảm nhẹ này theo qui định tại điểm q khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo là thiếu sót. Do đó cần chấp nhận ý kiến của Viện đại diện Viện kiểm sát tỉnh Cà M cũng như ý kiến của luật sư bào chữa cho bị cáo cần áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ này cho bị cáo là phù hợp. Do bị cáo P được xem xét áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ mới đồng thời bị cáo có đủ 02 tình tiết giảm nhẹ theo qui định tại điểm q, s khoản 1 Điều 51 và tình tiết giảm nhẹ khác theo qui định tại Điều 52 Bộ luật hình sự nên chấp nhận ý kiến bào chữa của luật sư áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự chấp nhận yêu cầu kháng cáo để giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo P là phù hợp.

Ngoài ra án sơ thẩm có thiếu sót khi xác định thời gian chấp hành hình phạt tù đối với bị cáo đó là không tính thời gian bị cáo bị đưa đi chữa bệnh bắt buộc cho bị cáo là chưa đúng qui định nên cần sửa án sơ thẩm tính lại thời gian chấp hành hình phạt tù cho bị cáo kể từ ngày bắt 02/02/2018 là phù hợp.

[3] Về tài sản thu giữ của bị cáo: Chiếc xe Suzuki 59L2 – 124.98 là phương tiện đi lại duy nhất của vợ chồng bị cáo không phải là phương tiện công cụ phạm tội nên cần chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị cáo tuyên trả lại chiếc xe cho bị cáo là phù hợp.

Đối với Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018978 của chiếc xe hiệu SUZUKI, biển số 59L2-124.98 do anh Nguyễn Thanh Sơn đứng tên chủ xe mà cấp sơ thẩm tuyên “Tịch thu lưu hồ sơ: 01 giấy phép lái xe hiệu SUZUKI, biển số 59L2-124.98” là chưa đúng. Bởi đây là giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy có liên quan đến xe hiệu SUZUKI, biển số 59L2-124.98 của bị cáo P do bị cáo mua hợp pháp của anh Sơn đã được cơ quan điều tra chứng minh, hiện tại đang lưu hồ sơ. Do vậy Tòa án cấp P thẩm sửa án phần này, chuyển giao vật chứng nêu trên cho Chi cục thi hành án dân sự huyện Thới B để trả lại cho bị cáo P cùng với chiếc xe là phù hợp.

[4]. Án phí hình sự P thẩm bị cáo P không phải chịu theo quy định của pháp luật.

[5]. Các nội dung khác của quyết định án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 355, Điều 357 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ

Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu kháng cáo của bị cáo Trần Ngọc P.

Sửa bản án hình sự sơ thẩm số 64/2018/HS-ST ngày 30 tháng 11 năm 2018 của Toà án nhân dân huyện Thới B.

2. Áp dụng: Điểm g khoản 2 Điều 249; điểm s, q khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 54; Điều 49 của Bộ luật hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

Xử Phạt: Bị cáo Trần Ngọc P 04 (bốn) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo tạm giữ ngày 02/02/2018.

3. Về xử lý vật chứng: Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc P 01 (một) xe mô tô nhãn hiệu SUZUKI, màu đỏ, biển số 59L2-124.98, xe đã qua sử dụng. Theo biên bản giao, nhận vật chứng ngày 07 tháng 11 năm 2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thới B với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thới B.

Trả lại cho bị cáo Trần Ngọc P 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe máy số 018978 của chiếc xe hiệu SUZUKI, biển số 59L2-124.98 do anh Nguyễn Thanh Sơn đứng tên chủ xe.

4. Về án phí:

Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Trần Ngọc P phải chịu là 200.000 đồng.

Án phí hình sự P thẩm: Bị cáo Trần Ngọc P không phải chịu.

Các quyết định khác của án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án P thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cà M;
- Công an tỉnh Cà M;
- Trại tạm giam – Công an tỉnh Cà M;
- Tòa án nhân dân huyện Thới B;
- Công an huyện Thới B;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Thới B;
- Chi cục THADS huyện Thới B;
- Bị cáo, người tham gia tố tụng khác;
- Lưu: Hồ sơ vụ án; Tòa HS; án văn;
- Lưu VT (TM:TANDTCM).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ P THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Châu Minh Hoàng